

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **04/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 06- 12- 2019

*“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị
Ma Thị Đ và anh Châu Văn H”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Nhâm

Bà Dương Thị Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Kiều Vân, Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông Đàm Như Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 06/12/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/11/2019; quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 21/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ma Thị Đ, sinh năm 1989

Trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt.*

Bị đơn: Anh Châu Văn H, sinh năm 1993

Trú tại: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, *vắng mặt, phiên tòa triệu tập lần thứ 02.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2019, bản tự khai ngày 21/10/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ma Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Châu Văn H kết hôn với nhau vào ngày 03/6/2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Tuyên

Quang, trên cơ sở hai bên đều tự nguyện, tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống với gia đình chị tại thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, anh H thường xuyên không ở nhà, không có trách nhiệm với vợ con, đã nhiều lần hai bên gia đình hòa giải nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Từ tháng 4/2018 chị và anh H đã ly thân, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh Châu Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Ma Thị Thu T, sinh ngày 26/11/2016, hiện nay cháu còn nhỏ đang ở cùng chị, ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, vay nợ chung: Chị xác định chị và anh H không có tài sản chung và vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án và đã triệu tập anh Châu Văn H đến Tòa án để giải quyết việc chị Đ yêu cầu ly hôn, nhưng anh H không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Anh Châu Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay anh H đi vắng khỏi địa phương, không thông báo địa chỉ mới cho gia đình, thôn, Công an xã, Ủy ban nhân dân xã biết. Chị Đ, anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Đ anh H sinh sống tại thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, đến tháng 02/2019 anh H mới cất khẩu từ xã T về xã P, nên nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chính quyền địa phương không nắm được. Về con chung vợ chồng chị Đ và anh H có 01 con chung là cháu Ma Thị Thu T, sinh ngày 26/11/2016, hiện nay cháu T đang ở cùng chị Đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 70, 143, 144, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của của chị Ma Thị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh Châu Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Ma Thị Thu T, sinh ngày 26/11/2016 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết, do đó không đề cập xem xét.

- Về án phí: Chị Ma Thị Đ phải chịu án toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định. Chị Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về quyền kháng cáo: Đề nghị tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: anh Châu Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay anh H đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về, không thông báo địa chỉ mới cho gia đình và địa phương nên hiện tại không rõ anh H đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập, gia đình đã thông báo cho anh H nhưng anh H vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh H không đến Tòa án và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện. Đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ, nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Đ và anh Châu Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, hai vợ chồng chung sống hòa thuận trong thời gian ngắn khoảng 01 năm, rồi xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có sự chia sẻ, yêu thương lẫn nhau, anh H thường xuyên vắng nhà không quan tâm đến vợ, con. Hôn nhân của chị Đ và anh H không hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay và cả hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Ma Thị Đ, xử cho chị Ma Thị Đ được ly hôn với anh Châu Văn H.

[3] Về con chung: Chị Ma Thị Đ và anh Châu Văn H có 01 con chung là cháu Ma Thị Thu T, sinh ngày 26/11/2016, hiện nay cháu T đang ở cùng chị Đ. Xét thấy cháu T còn nhỏ và anh H hiện nay không có nơi cư trú ổn định, nên cần giao cháu Ma Thị Thu T cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Châu Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm con chung.

[4] Về tài sản, vay nợ chung: Chị Ma Thị Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Ma Thị Đ phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy nội dung đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang là có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 70, 147, 179, 227, 228, 235, 266, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị Đ được ly hôn với anh Châu Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Ma Thị Thu T, sinh ngày 26/11/2016 cho chị Ma Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Châu Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ma Thị Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006190 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Anh Châu Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Ma Thị Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06/12/2019. Anh Châu Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phúc An Hoành

